

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST

Ngày: 26-9-2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 326/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Ngọc L, sinh năm 1989 – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

Địa chỉ: Số B, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 244/7, Khóm C, Phường P, Thành Phố Cần Thơ).

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã L, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ).

Địa chỉ liên hệ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã L, tỉnh Cà Mau).

Theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2024.

Đồng bị đơn:

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1958
- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

(Bà Lê Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt, ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2025; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 25 tháng 3 năm 2025 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Ngọc L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M là bà Lê Thị Ngọc T, trình bày: Vào ngày 13/6/2023, ông Đoàn Ngọc L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M bắt đầu bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị D. Theo thỏa thuận khi giao nhận hàng hóa, mỗi bên sẽ tự ghi vào sổ theo dõi của mình. Khi nhận hàng, bên ông S và bà D phải kiểm tra hàng và ký xác nhận vào sổ việc giao nhận hàng. Về phương thức thanh toán, ông S và bà D có nghĩa vụ trả dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông L – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M khi thu hoạch tôm. Tuy nhiên trong quá trình mua bán, ông S và bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên hai bên chấm dứt giao dịch mua bán với nhau kể từ sau ngày 13/12/2023. Đến ngày 30/12/2023, giữa ông L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M và ông Trần Văn S tiến hành đối chiếu công nợ. Theo đó, ông S xác nhận còn nợ ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 120.570.000 đồng. Sau nhiều lần ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh cử nhân viên liên hệ trực tiếp với ông S, bà D để đề nghị thanh toán thì ông S, bà D đều hứa hẹn nhưng không thực hiện. Nay ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông S, bà D thanh toán tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 120.570.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/3/2025 là 15 tháng theo lãi suất $0.83\% = 15.010.965$ đồng. Tuy nhiên tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 26/8/2025, ông L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M không tiếp tục yêu cầu khoản tiền lãi 15.010.965 đồng và chỉ yêu cầu ông S, bà D thanh toán khoản tiền còn nợ qua đối chiếu là 120.570.000 đồng.

Đồng bị đơn ông Trần Văn S trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 8 năm 2025: Ông S là chồng của bà Nguyễn Thị D. Vào ngày 13/6/2023, vợ chồng ông S, bà D bắt đầu mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản tại cửa hàng của ông Đoàn Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M. Ông S thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M về thỏa thuận giao nhận hàng và phương thức thanh toán trong quá trình thực hiện giao dịch mua bán. Tuy nhiên, do nuôi tôm thất bại nên vợ chồng ông S, bà D không thanh toán được nợ theo thỏa thuận. Đến ngày 30/12/2023, ông S có ký tên vào bảng đối chiếu công nợ để thống nhất còn nợ ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền

120.570.000 đồng, hiện nay vẫn chưa thanh toán. Đây là nợ chung của vợ chồng ông và ông S đồng ý thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của ông L - Chủ Hộ kinh doanh T nhưng yêu cầu được trả dần.

Đối với đồng bị đơn bà Nguyễn Thị D: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà bà D để ghi lời khai nhưng bà D không có mặt ở nhà nên Tòa án không ghi nhận được lời khai. Do vậy, bà D không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc T đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng bị đơn ông S, bà D chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M đối với ông S và bà D về việc tranh chấp hợp đồng mua bán. Buộc ông S và bà D thanh toán cho ông L – Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M tổng số tiền 120.570.000 đồng. Ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, xét sự tự nguyện rút yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ đối với yêu cầu này. Về án phí dân sự sơ thẩm, do ông S và bà D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông S và bà D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Đoàn Ngọc L - Chủ Hộ kinh doanh T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị D thanh toán số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông S và bà D có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp M, xã Đ, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông S và bà D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng cả hai vắng mặt không rõ lý do; không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông S và bà D.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ từ giao dịch mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản của ông L – Chủ Hộ kinh doanh T đối với ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị D. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M đã cung cấp “BẢNG ĐỐI CHIẾU XÁC NHẬN CÔNG NỢ” với ông S đề ngày 30/12/2023, thể hiện nợ tồn cuối kỳ của ông Trần Văn S là 120.570.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2025, ông S thừa nhận có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản với ông L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M, hiện nay vợ chồng ông S và bà D vẫn còn nợ ông L - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 120.570.000 đồng. Ông S thừa nhận chữ ký “Sáng” và chữ viết tên “Trần Văn S” trong “BẢNG ĐỐI CHIẾU XÁC NHẬN CÔNG NỢ” đề ngày 30/12/2023 do ông L cung cấp là của ông S. Đây là tình tiết, sự kiện được ông S thừa nhận nên ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà D, mặc dù Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ từ việc mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của ông L – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông S và bà D, sản phẩm và hàng hóa từ giao dịch mua bán trên được sử dụng cho nhu cầu nuôi tôm của gia đình nhằm phát triển kinh tế chung của vợ chồng. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn S ngày 25/8/2023, ông S xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Phía bà D cũng không có ý kiến tranh chấp về nợ chung với ông S. Ngoài ra, Tòa án cũng nhận được đơn yêu cầu miễn án phí của vợ chồng ông S và bà D cùng ký tên do ông S giao nộp, điều này phản ánh việc bà D thống nhất số tiền nợ ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M là nợ chung của ông S, bà D. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L - Chủ Hộ kinh doanh T đối với ông S và bà D về việc yêu cầu ông S và bà D thanh toán số tiền còn nợ là 120.570.000 đồng.

[3.2] Ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông S và bà D về số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/3/2025 là 15.010.965 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L – Chủ Hộ kinh doanh T đối với ông S và bà D về số tiền lãi nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh đối với ông S, bà D được Tòa án chấp nhận nên ông S và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền ông S, bà D có nghĩa vụ thanh toán bằng $5\% \times 120.570.000 \text{ đồng} = 6.028.500 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, do ông S và bà D là người cao tuổi và có đơn yêu cầu xin miễn án phí nên ông S và bà D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông L – Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.390.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006897 ngày 20/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau) được hoàn lại.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M đối với ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2. Buộc ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đoàn Ngọc L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 120.570.000 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M đối với ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị D trả cho ông Đoàn Ngọc L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền lãi phát sinh từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/3/2025 là 15.010.965 đồng (mười lăm triệu mười nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng).

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Đoàn Ngọc L - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.390.000 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006897 ngày 20/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau) được hoàn lại.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV8 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS KV8 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Huỳnh Ngọc Nhiều